

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2020
“V/v Tranh chấp về ly hôn và yêu
cầu nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghè

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

Ông Danh Út Nhỏ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Ông Danh Vũ Hải – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 122/2020/TLST-HNGĐ, ngày 11/5/2020 về việc “Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kiều L, sinh năm 1984 (có mặt);

HKTT: ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: khu vực B, phường H, quận Ô, Thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Anh Danh Bé L, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 24/4/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Kiều L trình bày:

Vào tháng 8/2008, chị kết hôn cùng với anh Danh Bé L sau 06 tháng tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng vợ chồng có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 03/4/2013.

Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được 08 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, anh L lại thường xuyên ghen tuông vô cớ rồi còn đánh chị. Sau đó, anh L bỏ đi làm ăn xa nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay, chị nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn với nhau được nữa nên yêu cầu được ly hôn.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị có 01 con chung tên Danh Lê Hoàng D – sinh ngày 30/4/2011, hiện nay, đang sống cùng với chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L xác định không có.

Tại phiên tòa: Về hôn nhân, chị Lê Thị Kiều L yêu cầu được ly hôn với anh Danh Bé L; Về con chung, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung, chị L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Danh Bé L không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh L không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của anh.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận cho chị Lê Thị Kiều L được ly hôn với anh Danh Bé L; về con chung: Giao con chung tên Danh Lê Hoàng D – sinh ngày 30/4/2011 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ghi nhận chị L không yêu cầu cấp dưỡng; về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên chị Lê Thị Kiều L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Danh Bé L được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (Bộ luật BLTTDS 2015).

Anh Danh Bé L với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Kiều L và anh Danh Bé L xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2008, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 35/2013 ngày 03/4/2013, theo quy định tại

Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị Lê Thị Kiều L xin được ly hôn với anh Danh Bé L vì lý do tính tình không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã, anh L lại thường xuyên ghen tuông vô cớ rồi còn đánh chị làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Đối với anh Danh Bé L, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có 02 lần tổng đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng anh chị hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng anh L đều không có mặt.

Tại phiên tòa, chị L khai rõ, thời gian vợ chồng ly thân anh chị không còn liên lạc với nhau nữa nên tình cảm dành cho nhau đã không còn, chị cũng không thể chấp nhận một người chồng hay dùng bạo lực gia đình để giải quyết mâu thuẫn trong cuộc sống, vì vậy, chị L cương quyết ly hôn với anh L. Hội đồng xét xử thấy rằng, sau nhiều năm chung sống, giữa chị L và anh L đã không còn duy trì được tình cảm yêu thương dành cho nhau nữa, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra cụ thể là những lần anh L dùng bạo lực đối với chị L, tuy không gây thương tích gì nhưng đã thể hiện được sự trầm trọng trong cuộc sống hôn nhân của anh chị, làm cho đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[3] Về con chung: Chị L xác định vợ chồng chị có 01 người con chung tên Danh Lê Hoàng D – sinh ngày 30/4/2011, hiện nay, cháu D đang sống cùng với chị L nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng. Đối với anh L, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử, anh L đều không có mặt cũng không có ý kiến và yêu cầu gì đối với yêu cầu được nuôi con chung của chị L nên Hội đồng xét xử không thể xem xét nguyện vọng của anh L.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị L, từ khi anh chị ly thân đến nay, cháu D do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển bình thường như những đứa trẻ khác. Đồng thời, cháu D cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị L. Vì vậy, cần thiết giao cháu D cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế, đúng với nguyện vọng của cháu D và đúng theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Kiều L xác định vợ chồng không có tài sản chung cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đ chị L phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị Kiều L được ly hôn với anh Danh Bé L.

2. Về con chung: Giao con chung tên Danh Lê Hoàng D – sinh ngày 30/4/2011 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền tới lui thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này.

Khi cần thiết anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lê Thị Kiều L phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008881, ngày 11/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị L đã nộp xong án phí.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/9/2020). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thành Nghê